TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10 /**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**
Bà Nguyễn Thị Liên

-Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Anh Đỗ Công T**, sinh năm 1970.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn CQ, xã HT, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

2.Bị đơn: **Chị Kiều Thúy H (Kiều Thị H)**, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm C, thôn C1, xã NH, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh T, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Kiều Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/01/1997 tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H không còn yêu thương anh nữa. Chị H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 7 năm 2015, anh đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung

là cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 19/10/1997 và Đỗ Thảo M (Đỗ Thảo M1), sinh ngày 13/6/2003. Cháu L đã trưởng thành và lập gia đình riêng, cháu M đang ở với mẹ và bà ngoại. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi cháu M, tuy nhiên cháu M có nguyện vọng ở với mẹ anh cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu.

Hiện tại anh đang làm Công ty Cổ phần dược phẩm TT (địa chỉ: số nhà 67, ngõ 96, phố ĐT, phường ĐK, quận HM, Tp. Hà Nội), thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Bị đơn chị Kiều Thúy H (Kiều Thị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận chị và anh Đỗ Công T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/01/1997 tại UBND xã NH, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hiểu nhầm và cho rằng chị có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xích mích, cãi cọ, anh T đã bỏ nhà đi. Được bố chồng góp ý nên vợ chồng về đoàn tụ chung sống với nhau. Đến khoảng cuối năm 2014, anh T nói với chị đi làm ở Hà Nội, sau đó rất ít khi về nhà, chỉ khi nào nhà có công việc, chị gọi điện báo anh T mới về nhà chốc lát, không còn quan tâm đến vợ con. Từ năm 2015 anh T đã ra ngoài sinh sống. Bản thân chị cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì cháu M còn nhỏ, khi nào cháu M đủ 18 tuổi chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 19/10/1997 và cháu Đỗ Thảo M (Đỗ Thảo M1), sinh ngày 13/6/2003. Cháu L đã trưởng thành và lập gia đình riêng, cháu M đang ở với chị và bà ngoại. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Chị yêu cầu anh T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 4.000.000 đồng. Trường hợp anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền trên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện chị đang bán hàng tạp hóa ở chợ C, thu nhập khoảng 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Anh T giữ yêu cầu xin ly hôn chị H. Về con chung: anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thảo M. Anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh T nhưng không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu M. Về con chung: chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thảo M. Chị yêu cầu anh T cấp

dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T và xử cho anh Đỗ Công T được ly hôn chị Kiều Thúy H (Kiều Thị H); Về con chung: giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Thảo M (Đỗ Thảo M1) đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Tòa án buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn – chị Kiều Thúy H đang cư trú tại xã NH huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Công T kết hôn với chị Kiều Thúy H (Kiều Thị H) trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 27/01/1997 tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh T, chị H và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, tuy nhiên tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cả anh T và chị H đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Từ năm 2015, anh T đã ra ngoài sinh sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H đã không tồn tại trên thực tế từ lâu. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh T xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H xác nhận có 02 con chung là: cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 19/10/1997 và Đỗ Thảo M (Đỗ Thảo M1), sinh ngày 13/6/2003.

Hiện tại cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Chị H có nơi ở ổn định, từ trước đến nay vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Anh T cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu M. Do vậy, cần giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H hiện tại bán hàng tạp hóa thu nhập khoảng 2.500.000 đồng/tháng. Nếu một mình chị H phải lo chi phí học tập và sinh hoạt của cháu M sẽ không đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu. Yêu cầu của chị H buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là chính đáng phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, theo Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, mức cấp dưỡng phải phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng là quá cao so với mức thu nhập của anh T. Do vậy, cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2019 đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Đỗ Công T được ly hôn chị Kiều Thúy H (Kiều Thị H).

2.Về con chung: Cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 19/10/1997 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Giao cháu Đỗ Thảo M (Đỗ Thảo M1), sinh ngày 13/6/2003 cho chị Kiều Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Công T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Công T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Kiều Thúy H mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Anh Đỗ Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003710 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đỗ Công T và chị Kiều Thúy H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã NH, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi